

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2019/HNGĐ-ST

Ngày 04 tháng 11 năm 2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Việt

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Chiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 641/2019/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 10 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 290/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Ngô Xuân L, sinh năm 1978.

Địa chỉ: đường L, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1980.

Địa chỉ: đường T, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn ông Ngô Xuân L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị X tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 1998, nhưng không đăng ký kết hôn. Ông bà sống hạnh phúc đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bắt đầu từ quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Do mâu thuẫn đã trầm trọng và hôn nhân của ông bà không hợp pháp, nên ông L yêu cầu Tòa án không công nhận ông và bà X là vợ chồng.

Về con chung: Ông bà có một con chung tên Ngô Yên L, sinh ngày 08/5/1999. Hiện con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Theo bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Ngô Xuân L tự nguyện sống chung vào năm 1998, nhưng không đăng ký kết hôn đúng như ông L trình bày. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, xảy ra trong thời gian dài và hôn nhân của ông bà không hợp pháp, nên bà thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông L là vợ chồng.

Về con chung: Bà thống nhất lời trình bày của ông L là ông bà có một con chung tên Ngô Yên L, sinh ngày 08/5/1999. Hiện con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà thống nhất lời trình bày của ông L không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông L yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông và bà X là vợ chồng, bà X có địa chỉ thường trú tại đường T, khóm Đ, phường M, thành phố L, nên Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Ngô Xuân L và bà Nguyễn Thị X tự nguyện sống chung từ năm 1998 đến nay nhưng chưa đăng ký kết hôn. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, xảy ra trong thời gian dài và hôn nhân của ông bà không hợp pháp, nên ông L và bà X thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận ông bà là vợ chồng.

Do ông L và bà X sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1998 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Như vậy hôn nhân của ông bà đã vi phạm khoản 1, Điều 9 và khoản 1, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về việc đăng ký kết hôn và giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết của Quốc hội số 35/2000/QH10, ngày 09/06/2000 và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao-Bộ Tư pháp tuyên bố quan hệ giữa ông Ngô Xuân L và bà Nguyễn Thị X không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông bà có một con chung tên Ngô Yến L, sinh năm 1999, đã trưởng thành và có khả năng lao động.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án quyết.

[5] Về án phí: Ông Ngô Xuân L phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4, Điều 147; khoản 1, Điều 273; khoản 1, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1, Điều 9; khoản 1, Điều 14; Điều 15; khoản 1, khoản 2, Điều 81; khoản 1, khoản 3, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Ngô Xuân L và bà Nguyễn Thị X là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông bà có một con chung tên Ngô Yến L, sinh ngày 08/5/1999, đã trưởng thành và có khả năng lao động.

3. Về án phí: Ông Ngô Xuân L phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005709, ngày 02/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Ông L đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi gửi:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPL;
- Thi hành án DS TPL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

Nguyễn Thị Hoa